

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

## NỘI DUNG

### Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-36
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-36



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 09/01/2023
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 09/01/2023
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 09/01/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban	
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2023

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 30 tháng 10 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 070423.004/BCTC.KT2 ngày 07 tháng 04 năm 2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 11,69 tỷ đồng và 29,16 tỷ đồng, đồng thời chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

- Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Điều này dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm giảm đi tương ứng. Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 4,95 tỷ đồng (bao gồm: Khấu hao 06 tháng đầu năm 2023 là 0,098 tỷ đồng và khấu hao lũy kế của các năm tài chính trước lũy kế đến 31/12/2022 là 4,85 tỷ đồng).

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 giảm đi tương ứng 4,85 tỷ đồng và 4,948 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 0,098 tỷ đồng và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi tương ứng 0,098 tỷ đồng.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, điều 275 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về tư cách thành viên Hội đồng quản trị, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 34, Luật Chứng khoán 2019, Công ty phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

### Vấn đề khác

Tại Báo cáo kiểm toán số 070423.004/BCTC.KT2 ngày 07 tháng 04 năm 2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình - dây chuyền bánh mềm đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Trong đó, khấu hao ghi nhận thiếu trong năm 2018 của dây chuyền bánh mềm là 3,32 tỷ đồng. Dây chuyền bánh mềm đã được Công ty khấu hao toàn bộ và hết giá trị còn lại tại thời điểm ngày 31/12/2021. Do đó, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023.



Vũ Xuân Biên ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>315.284.855.674</b>	<b>352.572.329.479</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.487.714.432	36.316.770.401
111	1. Tiền		31.487.714.432	36.316.770.401
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.214.112.318	202.787.302.095
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	111.918.033.249	124.338.481.849
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	26.209.895.930	47.117.385.701
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28.086.183.139	31.331.434.545
140	IV. Hàng tồn kho	7	100.399.802.973	96.332.755.240
141	1. Hàng tồn kho		100.399.802.973	96.332.755.240
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.183.225.951	17.135.501.743
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		17.179.825.058	17.135.501.743
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.400.893	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>315.251.032.732</b>	<b>328.313.097.995</b>
220	II. Tài sản cố định		298.213.654.753	310.856.133.723
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	284.500.961.173	296.492.583.615
222	- Nguyên giá		556.924.921.782	556.420.611.782
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(272.423.960.609)	(259.928.028.167)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	13.648.455.486	14.293.883.442
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.714.383.430)	(5.068.955.474)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	64.238.094	69.666.666
228	- Nguyên giá		317.650.000	317.650.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(253.411.906)	(247.983.334)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	15.729.400.265	14.903.842.565
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.729.400.265	14.903.842.565
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.307.977.714	2.553.121.707
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.307.977.714	2.553.121.707
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>630.535.888.406</b>	<b>680.885.427.474</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>413.679.485.406</b>	<b>457.602.443.400</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>293.697.362.954</b>	<b>331.207.020.533</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	97.529.840.649	120.910.198.048
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	12.950.988.506	2.811.019.153
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.802.939.486	5.530.484.736
314	4. Phải trả người lao động		3.399.827.290	10.059.067.906
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.935.027.526	20.418.780.390
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	16.583.690.284	13.343.734.337
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	144.885.473.279	156.200.336.732
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.609.575.934	1.933.399.231
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>119.982.122.452</b>	<b>126.395.422.867</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	119.982.122.452	126.395.422.867
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>216.856.403.000</b>	<b>223.282.984.074</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>216.856.403.000</b>	<b>223.282.984.074</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.295.340.000	122.295.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.780.113.253	60.101.936.123
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.469.468.829	11.574.227.033
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.469.468.829	11.574.227.033
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>630.535.888.406</b>	<b>680.885.427.474</b>



Phạm Ngọc Quang  
Người lập



Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	374.081.756.135	347.727.960.289
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	610.583.765	273.537.683
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		373.471.172.370	347.454.422.606
11	4. Giá vốn hàng bán	23	332.470.956.740	304.765.829.363
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.000.215.630	42.688.593.243
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	145.463.493	12.967.551
22	7. Chi phí tài chính	25	10.582.944.459	7.728.848.521
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		10.075.969.596	7.367.784.822
25	8. Chi phí bán hàng	26	13.686.542.278	17.146.820.363
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.114.999.703	11.940.295.240
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.761.192.683	5.885.596.670
31	11. Thu nhập khác	28	54.674.905	262.013.171
32	12. Chi phí khác	29	227.877.753	31.845.749
40	13. Lợi nhuận khác		(173.202.848)	230.167.422
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.587.989.835	6.115.764.092
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.118.521.006	1.223.150.071
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.469.468.829	4.892.614.021
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	365	400



Phạm Ngọc Quang  
Người lập



Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		405.597.083.913	380.064.282.410
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(344.954.579.377)	(353.650.353.623)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.716.212.218)	(30.066.227.545)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(10.336.006.037)	(8.048.380.595)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.979.005.831)	(2.508.970.772)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.040.784.655	7.002.220.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.948.756.767)	(2.299.158.919)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>13.703.308.338</b>	<b>(9.506.589.044)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(825.557.700)	(76.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.357.261	12.967.551
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(804.200.439)</b>	<b>(63.032.449)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		170.552.554.272	178.920.736.560
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(187.139.367.661)	(181.972.720.824)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.141.350.479)	(2.589.652.077)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(251.942.819)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(17.728.163.868)</b>	<b>(5.893.579.160)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4.829.055.969)</b>	<b>(15.463.200.653)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>36.316.770.401</b>	<b>43.596.054.520</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>31.487.714.432</b>	<b>28.132.853.867</b>


Phạm Ngọc Quang  
Người lập

Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 122.295.340.000 VND; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 410 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 424 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I	Hưng Yên	Sản xuất thực phẩm
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II	Nghệ An	Sản xuất thực phẩm

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ... đã được loại trừ toàn bộ

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.5 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

**2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

**2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.961.731.566	6.831.974.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.525.982.866	29.484.795.908
	<u><u>31.487.714.432</u></u>	<u><u>36.316.770.401</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>67.919.277.832</b>	-	<b>46.576.173.278</b>	-
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	707.420.552	-	541.886.538	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.792.034.073	-	4.749.216.291	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	57.951.497.938	-	38.221.921.894	-
- Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	4.468.325.269	-	3.063.148.555	-
<b>Bên khác</b>	<b>43.998.755.417</b>	-	<b>77.762.308.571</b>	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	5.905.496.945	-	9.327.198.448	-
- Đại lý Hoàng Thị Hiền	3.044.828.399	-	4.519.453.903	-
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	3.328.437.855	-	4.013.258.246	-
- Phải thu khách hàng khác	31.719.992.218	-	59.902.397.974	-
	<b>111.918.033.249</b>	-	<b>124.338.481.849</b>	-

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>20.136.238.643</b>	-	<b>39.807.894.391</b>	-
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	-	28.801.469.481	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	18.136.238.643	-	9.006.424.910	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>6.073.657.287</b>	-	<b>7.309.491.310</b>	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng	-	-	3.000.000.000	-
- Guangzhou Shengyang Tranding Co, LTD	1.473.129.504	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.600.527.783	-	4.309.491.310	-
	<b>26.209.895.930</b>	-	<b>47.117.385.701</b>	-
<b>6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>				
	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Tạm ứng	27.940.993.708	-	27.705.258.715	-
Ký cược, ký quỹ	133.335.000	-	3.217.876.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	398.014.375	-
Phải thu khác	11.854.431	-	10.285.455	-
	<b>28.086.183.139</b>	-	<b>31.331.434.545</b>	-
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>15.396.012.508</b>	-	<b>15.144.612.508</b>	-
- Bà Nguyễn Hồng Phương	8.325.262.508	-	8.073.862.508	-
- Bà Nguyễn Hồng Anh	7.070.750.000	-	7.070.750.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>12.690.170.631</b>	-	<b>16.186.822.037</b>	-
- Ông Ngô Văn Phương	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thu Phương	6.198.566.718	-	6.074.630.973	-
- Phải thu khác	491.603.913	-	4.112.191.064	-
	<b>28.086.183.139</b>	-	<b>31.331.434.545</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.932.472.290	-	65.355.399.550	-
Công cụ, dụng cụ	3.392.915.204	-	2.978.090.414	-
Thành phẩm	28.353.915.583	-	26.231.830.722	-
Hàng hoá	720.499.896	-	1.767.434.554	-
	<b>100.399.802.973</b>	<b>-</b>	<b>96.332.755.240</b>	<b>-</b>

**8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi <sup>(1)</sup>	216.924.727	216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai <sup>(2)</sup>	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án đầu tư dây chuyền Bánh Bakery	988.674.737	163.117.037
	<b>15.729.400.265</b>	<b>14.903.842.565</b>

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

**(1) Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi:**

Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 248/HĐHTĐT ngày 10/05/2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam ("Picensa") liên quan đến việc triển khai Dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm 31/12/2021 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế. Trong năm 2022, Công ty thực hiện bù trừ khoản vay của Picensa và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ (Công Ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Phát Triển Nhà Số 7 Hà Nội) số tiền 17 tỷ VND.

Đến thời điểm 30/06/2023, Dự án vẫn đang trong quá trình xin cấp phép triển khai thực hiện.

**(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai**

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12,34 tỷ VND và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	218.022.363.373	318.045.799.642	19.128.218.413	1.224.230.354	556.420.611.782
- Mua trong kỳ	-	504.310.000	-	-	504.310.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>218.022.363.373</b>	<b>318.550.109.642</b>	<b>19.128.218.413</b>	<b>1.224.230.354</b>	<b>556.924.921.782</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	79.987.674.567	167.537.221.985	11.193.301.261	1.209.830.354	259.928.028.167
- Khấu hao trong kỳ	3.997.373.279	7.839.477.803	655.481.360	3.600.000	12.495.932.442
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>83.985.047.846</b>	<b>175.376.699.788</b>	<b>11.848.782.621</b>	<b>1.213.430.354</b>	<b>272.423.960.609</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	138.034.688.806	150.508.577.657	7.934.917.152	14.400.000	296.492.583.615
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>134.037.315.527</b>	<b>143.173.409.854</b>	<b>7.279.435.792</b>	<b>10.800.000</b>	<b>284.500.961.173</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 89.283.483.944 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 141.031.741.061 VND.

## 10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 lần lượt là 19.362.838.916 VND và 5.714.383.430 VND. Khấu hao trong kỳ là 645.427.956 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 lần lượt là 317.650.000 VND và 253.411.906 VND. Khấu hao trong kỳ là 5.428.572 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	-	59.298.062
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.199.105.494	2.171.206.897
Chi phí phân bổ Dự án Vĩnh Long	108.872.220	322.616.748
	<u><b>1.307.977.714</b></u>	<u><b>2.553.121.707</b></u>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hà	-	1.286.250.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	-	577.332.520
- Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	11.974.845.750	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	976.142.756	947.436.633
	<u><b>12.950.988.506</b></u>	<u><b>2.811.019.153</b></u>

## 14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.161.378.568	8.791.041.012	5.160.049.250	-	5.792.370.330
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	93.033.016	93.033.016	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.941.218.283	1.118.521.006	2.979.005.831	3.400.893	1.084.134.351
Thuế Thu nhập cá nhân	-	427.887.885	120.652.734	165.108.534	-	383.432.085
Thuế Tài nguyên	-	-	578.700	578.700	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.543.002.720	-	-	1.543.002.720
Các loại thuế khác	-	-	6.682.684	6.682.684	-	-
	-	<b>5.530.484.736</b>	<b>11.673.511.872</b>	<b>8.404.458.015</b>	<b>3.400.893</b>	<b>8.802.939.486</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>48.522.927.930</b>	<b>48.522.927.930</b>	<b>42.580.190.909</b>	<b>42.580.190.909</b>
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	43.930.918.134	43.930.918.134	38.683.917.568	38.683.917.568
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	2.199.254.868	2.199.254.868	3.034.564.632	3.034.564.632
- Công ty CP Bia rượu nước giải khát Viger	2.392.754.928	2.392.754.928	861.708.709	861.708.709
<b>Bên khác</b>	<b>49.006.912.719</b>	<b>49.006.912.719</b>	<b>78.330.007.139</b>	<b>78.330.007.139</b>
- Công ty TNHH Văn Chương	2.295.023.442	2.295.023.442	6.968.212.098	6.968.212.098
- Công ty TNHH Hồng Dương	11.607.543.576	11.607.543.576	10.231.205.300	10.231.205.300
- Công ty TNHH Phát Đại Lợi	7.792.552.500	7.792.552.500	17.661.582.000	17.661.582.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	27.311.793.201	27.311.793.201	43.469.007.741	43.469.007.741
	<b>97.529.840.649</b>	<b>97.529.840.649</b>	<b>120.910.198.048</b>	<b>120.910.198.048</b>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.972.382.448	3.232.418.889
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	2.360.401.818	15.582.398.162
- Chi phí vận chuyển	147.705.015	1.395.795.110
- Chi phí phải trả khác	1.454.538.245	208.168.229
	<b>6.935.027.526</b>	<b>20.418.780.390</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	732.572.682	652.442.341
- Bảo hiểm xã hội	392.891.785	-
- Bảo hiểm y tế	69.333.844	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.239.362	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.908.988.489	125.361.289
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	-	7.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picezza Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.417.664.122	2.545.930.707
	<b>16.583.690.284</b>	<b>13.343.734.337</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picezza Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	-	7.000.000.000
	<b>3.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	156.200.336.732	156.200.336.732	170.549.086.578	181.863.950.031	144.885.473.279	144.885.473.279
	<b>156.200.336.732</b>	<b>156.200.336.732</b>	<b>170.549.086.578</b>	<b>181.863.950.031</b>	<b>144.885.473.279</b>	<b>144.885.473.279</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay Ngân hàng	49.657.199.655	49.657.199.655	-	5.275.417.630	44.381.782.025	44.381.782.025
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	21.167.511.336	21.167.511.336	-	-	21.167.511.336	21.167.511.336
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	26.457.012.830	26.457.012.830	-	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Vay dài hạn cá nhân	27.975.816.261	27.975.816.261	-	-	27.975.816.261	27.975.816.261
- Nợ thuê tài chính dài hạn	1.137.882.785	1.137.882.785	3.467.694	1.141.350.479	-	-
	<b>126.395.422.867</b>	<b>126.395.422.867</b>	<b>3.467.694</b>	<b>6.416.768.109</b>	<b>119.982.122.452</b>	<b>119.982.122.452</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>126.395.422.867</b>	<b>126.395.422.867</b>			<b>119.982.122.452</b>	<b>119.982.122.452</b>
<b>c) Trong đó các khoản vay với các bên liên quan</b>						
			30/06/2023	01/01/2023		
			VND	VND		
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP			21.167.511.336	21.167.511.336		
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư			26.457.012.830	26.457.012.830		
- Ông Nguyễn Văn Hội			8.447.833.759	8.447.833.759		
- Bà Cao Thị Hồng Liên			5.808.078.658	5.808.078.658		
- Ông Cao Chiến Thắng			3.830.571.000	3.830.571.000		
- Bà Nguyễn Hồng Anh			5.000.000.000	5.000.000.000		
- Ông Bùi Hải Hà			4.889.332.844	4.889.332.844		
			<b>75.600.340.427</b>	<b>75.600.340.427</b>		

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2023	Hình thức đảm bảo tiền vay
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</b>						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/144344/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2022	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	97.858.796.327	Tài sản đảm bảo (*)
<b>2</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 93167.22.065.29907.TD ngày 26 tháng 10 năm 2022	100.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/08/2023	Theo từng giấy nhận nợ	36.506.470.950	Tài sản đảm bảo (*)
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 221/BN/2022/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2022	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	10.520.206.002	Tài sản đảm bảo (*)
	<b>Tổng cộng</b>					<b>144.885.473.279</b>	

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2023	Hình thức đảm bảo tiền vay
<b>I</b>	<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>					<b>44.381.782.025</b>	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</b>					<b>44.101.039.100</b>	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	7.546.656.600	Tài sản đảm bảo (*)
1.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	36.554.382.500	Tài sản đảm bảo (*)
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm</b>					<b>280.742.925</b>	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe ô tô TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm áp dụng trong suốt thời hạn cho vay	280.742.925	Tài sản đảm bảo (*)
<b>II</b>	<b>Tổng Công ty Mía đường I - CTCP</b>					<b>21.167.511.336</b>	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I ngày 24/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 24/12/2018	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 773/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2019	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 731/2020/HC-SUGAR I ngày 25/12/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/12/2020	4.488.446.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	4.488.446.000	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 10/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	2.693.067.600	Tín chấp

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2023	Hình thức đảm bảo tiền vay
5	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-SUGAR I ngày 01/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/08/2022	3.213.727.336	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	3.213.727.336	Tín chấp
<b>III</b>	<b>Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công ty Mía đường I</b>					<b>26.457.012.830</b>	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	6.200.000.000	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	13.399.360.930	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	4.272.651.900	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01A/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng	8,5%/năm trong suốt thời hạn vay	2.585.000.000	Tín chấp
<b>IV</b>	<b>Các khoản vay cá nhân</b>					<b>27.975.816.261</b>	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	27.975.816.261	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	27.975.816.261	Tín chấp

(\*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.101.936.123</b>	<b>9.088.277.065</b>	<b>220.797.034.106</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	4.892.614.021	4.892.614.021
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.088.277.065)	(9.088.277.065)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.101.936.123</b>	<b>4.892.614.021</b>	<b>216.601.371.062</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.101.936.123</b>	<b>11.574.227.033</b>	<b>223.282.984.074</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.469.468.829	4.469.468.829
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	678.177.130	(11.574.227.033)	(10.896.049.903)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.780.113.253</b>	<b>4.469.468.829</b>	<b>216.856.403.000</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 415/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế như sau:

		Số tiền
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	11.624.227.033
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,83%	678.177.130
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,57%	1.112.422.703
Quỹ khen thưởng phúc lợi đã tạm trích năm 2022	0,43%	50.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	84,17%	9.783.627.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
		VND		VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	36,70%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	15,42%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	11,16%	13.644.650.000	10,58%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	6,99%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	18,17%	22.222.220.000
Các cổ đông khác	11,56%	14.138.080.000	12,14%	14.843.370.000
	<b>100%</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.295.340.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	125.361.289	266.642.910
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	9.783.627.200	8.757.363.212
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	9.783.627.200	8.757.363.212
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(251.942.819)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(251.942.819)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>9.908.988.489</u>	<u>8.772.063.303</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.780.113.253	60.101.936.123
	<b>60.780.113.253</b>	<b>60.101.936.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m<sup>2</sup>)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
- Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,00	Đến năm 2023
- Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2064
- Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,0	Đến năm 2057
- Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,0	Đến năm 2069

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	59.158,25	134.532,75
- Đồng Euro (EUR)	2.154,16	2.164,72

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	371.180.315.244	344.682.945.621
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.901.440.891	3.045.014.668
	<b><u>374.081.756.135</u></b>	<b><u>347.727.960.289</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b><u>35.358.694.283</u></b>	<b><u>18.594.046.460</u></b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	10.705.795	-
Hàng bán bị trả lại	404.480.500	273.537.683
Giảm giá hàng bán	195.397.470	-
	<b><u>610.583.765</u></b>	<b><u>273.537.683</u></b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	332.470.956.740	304.765.829.363
	<b><u>332.470.956.740</u></b>	<b><u>304.765.829.363</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)		
Tổng giá trị mua vào:	<b><u>59.485.151.463</u></b>	<b><u>136.624.464.065</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.357.261	12.967.551
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	124.106.232	-
	<b>145.463.493</b>	<b>12.967.551</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.075.969.596	7.367.784.822
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	506.974.863	361.063.699
	<b>10.582.944.459</b>	<b>7.728.848.521</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.839.345	24.607.594
Chi phí nhân công	5.458.399.079	5.824.894.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.969.914	992.151.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.055.626.519	2.432.682.400
Chi phí khác bằng tiền	2.910.707.421	7.872.485.211
	<b>13.686.542.278</b>	<b>17.146.820.363</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	396.514.148	650.530.985
Chi phí nhân công	5.660.412.362	5.935.758.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	794.590.620	917.709.082
Thuế, phí, lệ phí	1.614.238.041	2.334.552.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.686.811	1.021.126.279
Chi phí khác bằng tiền	1.670.557.721	1.080.617.539
	<b>11.114.999.703</b>	<b>11.940.295.240</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	13.916.400	
Thu nhập khác	40.758.505	262.013.171
	<b>54.674.905</b>	<b>262.013.171</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.020.458	
Chi phí phân bổ dự án nhà máy tại Vĩnh Long	213.744.528	
Chi phí khác	6.112.767	31.845.749
	<b>227.877.753</b>	<b>31.845.749</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.587.989.835	6.115.764.092
Các khoản điều chỉnh tăng	4.615.195	-
- Chi phí không hợp lệ	4.615.195	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.592.605.030	6.115.764.092
Chi phí thuế TNDN năm nay	-	1.223.152.818
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.118.521.006</b>	<b>1.223.150.071</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.941.218.283	2.508.970.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.975.604.947)	(2.508.970.772)
Thuế nhà thầu	(3.400.884)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.080.733.458</b>	<b>1.223.150.071</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.469.468.829	4.892.614.021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.469.468.829	4.892.614.021
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.229.534	12.229.534
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>365</b>	<b>400</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.508.101.424	289.185.684.722
Chi phí nhân công	25.338.195.881	27.172.879.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.146.788.970	13.515.994.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.162.101.001	9.431.402.964
Chi phí khác bằng tiền	6.239.396.306	11.436.845.134
	<b>359.394.583.582</b>	<b>350.742.806.680</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền	26.525.982.866	-	-	26.525.982.866
Phải thu khách hàng, phải thu khác	140.004.216.388	-	-	140.004.216.388
	<b>166.530.199.254</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>166.530.199.254</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền	29.484.795.908	-	-	29.484.795.908
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.669.916.394	-	-	155.669.916.394
	<b>185.154.712.302</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>185.154.712.302</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	144.885.473.279	75.881.083.352	44.101.039.100	264.867.595.731
Phải trả người bán, phải trả khác	114.113.530.933	-	-	114.113.530.933
Chi phí phải trả	6.935.027.526	-	-	6.935.027.526
	<b>265.934.031.738</b>	<b>75.881.083.352</b>	<b>44.101.039.100</b>	<b>385.916.154.190</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	156.200.336.732	77.064.383.767	49.331.039.100	282.595.759.599
Phải trả người bán, phải trả khác	134.253.932.385	-	-	134.253.932.385
Chi phí phải trả	20.418.780.390	-	-	20.418.780.390
	<b>310.873.049.507</b>	<b>77.064.383.767</b>	<b>49.331.039.100</b>	<b>437.268.472.374</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Chiến Thắng	Em vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán thành phẩm</b>	<b>35.358.694.283</b>	<b>18.594.046.460</b>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	221.679.914	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	-	214.446.329
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	19.729.576.044	18.379.600.131
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	15.407.438.325	-
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>59.485.151.463</b>	<b>136.624.464.065</b>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	25.313.036.283	84.468.514.565
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	34.051.657.135	52.155.949.500
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	120.458.045	-
<b>Vay trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>2.585.000.000</b>
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	-	2.585.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	90.000.000	63.000.000
Bà Nguyễn Hồng Anh	275.000.000	222.000.000
Bà Trần Thị Lệ Châm	155.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	(*)	(*)
Bà Nguyễn Hồng Anh	(*)	(*)
Bà Trần Thị Lệ Châm	(*)	(*)
Ông Bùi Hải Hà	215.000.000	180.000.000
Bà Hà Hồng Thúy	201.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Hồng Phương	180.000.000	180.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường (**)	171.376.805	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh (**)	259.319.147	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền (**)	207.000.000	-

(\*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Hội đồng quản trị




(\*\*) Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc ngày 09/01/2023

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Phú Cường	54.000.000	37.800.000
Bà Đường Thị Hồng Hải	27.000.000	18.900.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	-	21.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

		
Phạm Ngọc Quang Người lập	Khúc Thị Minh Phương Kế toán trưởng	Nguyễn Văn Hội Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023